BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM

Lớp : Kế toán 1 - K13

Môn thi: **Giáo dục thể chất 1** Lần thi: **1** Giám thị 1: _____

Học kỳ: **1** Năm học: **2011 - 2012** Ngày thi: _____ Giám thị 2: _____

Cán bộ giảng dạy: _____ Phòng thi: _____ Giám thị 3: _____

Tổng số bài: _____ Số tờ: _____ Giám thị 4: _____

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
1	1110130001	Trần Thị Ngọc	An	13/01/1993	8.0			
2	1110130002	Nguyễn Thị Thúy	An	22/10/1993	8.0			
3	1110130003	Nguyễn Thị Huyền	Anh	27/11/1993	8.0			
4	1110130004	Phạm Thị Ngọc	Anh	04/07/1992	8.0			
5	1110130005	Đường Minh	Anh	05/02/1993	9.0			
6	1110130006	Lê Thị Hồng	Anh	02/02/1993	7.0			
7	1110130007	Nguyễn Thị Kim	Anh	01/09/1993	7.0			
8	1110130008	Đinh Thị Kiều	Anh	08/04/1993	8.0			
9	1110130009	Bùi Thị Lan	Anh	17/05/1993	8.0			
10	1110130010	Đỗ Thị	Bài	30/11/1993	8.0			
11	1110130011	Đỗ Văn	Bảo	20/08/1991	9.0			
12	1110130012	Phùng Thị Ngọc	Bích	10/10/1993	8.0			
13	1110130013	Trần Thị Ngọc	Bích	14/09/1993	8.0			
14	1110130014	Nguyễn Trần Thanh	Bình	20/04/1991	7.0			
15	1110130015	Tống Ngọc Yến	Bình	07/12/1993	0.0			
16	1110130017	Trần Ngọc Kim	Châu	14/03/1992	9.0			
17	1110130018	Dương Ngọc	Châu	21/10/1993	8.0			
18	1110130019	Ninh Viết	Cương	21/03/1993	8.0			
19	1110130020	Lê Thị	Diễm	10/11/1993	8.0			
20	1110130021	Nguyễn Ngọc	Diễm	04/01/1992	7.0			
21	1110130022	Dương Huỳnh Ngọc	Diệp	01/10/1993	7.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
22	1110130023	Nguyễn Thị Thùy	Diệu	30/01/1993	7.0			
23	1110130024	Lê Thị Thu	Diệu	09/09/1993	7.0			
24	1110130025	Đặng Thị	Dợi	21/09/1992	7.0			
25	1110130026	Nguyễn Thị Thùy	Dương	06/08/1993	7.0			
26	1110130027	Đặng Thị Thùy	Dương	22/01/1993	8.0			
27	1110130028	Lê Thị Thùy	Dương	28/08/1993	7.0			
28	1110130029	Nguyễn Thị Hoài	Dung	1993	8.0			
29	1110130030	Đinh Thị Kim	Dung	18/06/1992	7.0			
30	1110130031	Đào Vũ Phương	Duy	13/07/1993	7.0			
31	1110130032	Nguyễn Đức	Duy	27/04/1993	8.0			
32	1110130033	Mai Thị Hoài	Hân	06/04/1993	8.0			
33	1110130034	Trần Thị Ngọc	Hân	05/11/1992	8.0			
34	1110130035	Hồ Ngọc	Hân	18/04/1993	0.0			
35	1110130036	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	18/10/1993	8.0			
36	1110130037	Lê Thị Thu	Hằng	01/07/1993	6.0			
37	1110130038	Trịnh Thị Thu	Hằng	21/08/1993	8.0			
38	1110130039	Lê Thị Hồng	Hạnh	03/06/1993	8.0			
39	1110130040	Phạm Thị	Hà	23/03/1993	9.0			
40	1110130041	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/02/1993	8.0			
41	1110130042	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/04/1992	7.0			
42	1110130043	Trần Ngọc	Hảo	19/05/1993	9.0			
43	1110130044	Thái Thị Diệu	Hiền	25/05/1993	6.0			
44	1110130045	Nguyễn Thị Thu	Hiền	27/05/1993	8.0			
45	1110130046	Hồ Thị	Hiền	16/06/1993	7.0			
46	1110130047	Nguyễn Thanh Ngân	Hiếu	22/07/1993	7.0			
47	1110130048	Nguyễn Thị Thu	Hồng	04/10/1993	6.0			
48	1110130049	Đoàn Thị Bích	Hồng	09/06/1993	8.0			
49	1110130050	Hoàng Thị	Hồng	20/10/1993	7.0			
50	1110130051	Nguyễn Thị Hoàng	Hưng	19/02/1993	7.0			
51	1110130052	Võ Thị Kim	Hương	14/07/1993	7.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
52	1110130053	Nguyễn Thị Việt	Hương	03/10/1993	7.0			
53	1110130054	Trương Thị Thùy	Hương	29/06/1993	8.0			
54	1110130055	Phan Thị Diễm	Hương	01/11/1993	9.0			
55	1110130056	Vũ Thị	Hương	08/10/1993	8.0			
56	1110130057	Nguyễn Lan	Hương	18/03/1993	8.0			
57	1110130058	Trần Thị Kim	Hường	30/07/1993	8.0			
58	1110130059	Nguyễn Thị Thu	Hường	23/03/1993	8.0			
59	1110130060	Mai Thị	Hường	01/02/1992	7.0			
60	1110130061	Phạm Thị	Hường	11/03/1993	7.0			
61	1110130062	Trần Ngọc	Hường	18/12/1993	8.0			
62	1110130063	Phạm Thị	Huệ	25/04/1992	8.0			
63	1110130064	Lê Thị	Huệ	15/01/1993	8.0			
64	1110130065	Trương Phi	Hùng	18/07/1991	9.0			
65	1110130066	Nguyễn Mạnh	Hùng	07/08/1993	10.0			
66	1110130067	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	17/11/1993	7.0			
67	1110130068	Lê Thị	Huyền	22/04/1993	7.0			
68	1110130069	Phạm Thị Thu	Huyền	27/12/1993	8.0			
69	1110130070	Huỳnh	Kha	03/06/1993	8.0			
70	1110130071	Đặng Phúc	Kiên	31/07/1993	8.0			
71	1110130072	Huỳnh Thị Bích	Kiều	12/06/1993	8.0			
72	1110130073	Nguyễn Trường	Lập	10/10/1993	7.0			
73	1110130074	Dương Thị Thùy	Lang	15/07/1993	8.0			
74	1110130075	Nguyễn Kim	Liên	12/11/1993	8.0			
75	1110130076	Phạm Thị Kim	Liên	10/10/1993	8.0			
76	1110130077	Nguyễn Thị Thu	Liễu	19/08/1993	0.0			
77	1110130078	Phan Thị Bích	Liểu	04/01/1993	8.0			
78	1110130079	Cao Thị Ngọc	Linh	19/11/1993	8.0			
79	1110130080	Nguyễn Nhất	Linh	31/03/1992	0.0			
80	1110130081	Trần Đoàn Mỹ	Linh	04/09/1992	7.0			
81	1110130082	Cao Thị Mỹ	Linh	24/08/1993	7.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
82	1110130083	Phan Gia	Lưu	06/01/1993	6.0			
83	1110130084	Hồ Đông	Luận	18/11/1993	6.0			
84	1110130085	Lê Thị Thanh	Ly	15/10/1993	7.0			
85	1110130086	Nguyễn Thị Yến	Ly	03/01/1993	8.0			
86	1110130087	Đặng Thị Xuân	Mai	10/05/1991	6.0			
87	1110130088	Lê Thị	Mến	10/03/1993	8.0			
88	1110130089	Trần Thông	Minh	07/11/1993	8.0			
89	1110130090	Phùng Thị Ngô	My	03/11/1993	8.0			
90	1110130091	Trần Thị	Đậm	08/08/1993	8.0			
91	1110130092	Nguyễn Công	Đạt	27/09/1993	7.0			
92	1110130093	Vương Tiến	Đạt	08/07/1993	8.0			
93	1110130094	Huỳnh Thị Tuyết	Nga	20/03/1993	9.0			
94	1110130095	Lê Thị Quỳnh	Nga	06/07/1993	8.0			
95	1110130096	Nguyễn Thị Thúy	Nga	27/10/1993	9.0			
96	1110130097	Nguyễn Thị Kim	Ngân	23/06/1993	8.0			
97	1110130098	Trần Thị Kim	Ngân	29/05/1993	9.0			
98	1110130099	Dương Vũ Tố	Ngân	29/04/1993	0.0			
99	1110130100	Nguyễn Hoàng Phi	Uyên	24/10/1992	8.0			
100	1110130101	Nguyễn Thị	Nghiệm	20/06/1993	8.0			
101	1110130103	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	16/04/1993	8.0			
102	1110130104	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	21/08/1991	8.0			
103	1110130105	Huỳnh Thị Hồng	Ngọc	13/07/1993	8.0			
104	1110130106	Tống Thị Kiều	Ngọc	20/10/1993	8.0			
105	1110130107	Trần Thị Bích	Ngọc	02/12/1993	7.0			
106	1110130108	Lê Thị Bảo	Ngọc	26/08/1993	8.0			
107	1110130109	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	13/11/1992	7.0			
108	1110130110	Cao Thị	Ngọc	20/09/1993	7.0			
109	1110130111	Biện Ngọc Kim	Nguyên	24/08/1993	8.0			
110	1110130112	Ngô Thị Ánh	Nguyệt	29/10/1993	8.0			
111	1110130113	Trần Thị	Nguyệt	27/02/1993	8.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
112	1110130114	Nguyễn Minh	Nhân	02/10/1993	7.0			
113	1110130115	Trần Thị Hồng	Nhi	03/01/1993	8.0			
114	1110130116	Mạc Thị Thu	Nhi	24/03/1993	8.0			
115	1110130117	Võ Thị Yến	Nhi	19/08/1993	8.0			
116	1110130118	Hoàng Nguyễn Thiều	Nhi	12/07/1993	0.0			
117	1110130119	Võ Nguyễn Uyển	Nhi	22/01/1993	7.0			
118	1110130120	Nguyễn Thị Kim	Nhi	24/07/1993	8.0			
119	1110130121	Lê Thị Cẩm	Nhi	13/08/1993	7.0			
120	1110130122	Hồng Bảo	Nhi	07/10/1993	8.0			
121	1110130123	Nguyễn Thị Hồng	Điệp	16/03/1993	8.0			
122	1110130124	Trần Thị Linh	Phương	13/01/1993	7.0			
123	1110130125	Võ Phạm Ngọc	Trâm	29/11/1993	8.0			
124	1110130126	Phạm Thị Thùy	Trang	03/5/1993	8.0			
125	1110130197	Nguyễn Thanh	Thủy	10/01/1993	8.0			

Ngày . . . . . tháng . . . . . năm . . . . .

CHỦ NHIỆM BỘ MÔN (KHOA)
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁO VIÊN CHẤM THI
(Ký và ghi rõ họ tên)